

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1526**/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **27** tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng  
ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển  
nông thôn ngoài phạm vi quy định tại Quyết định số 254/QĐ-TTg  
ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định  
cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy  
định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế  
và sự nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính  
phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày  
14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính  
phủ Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước  
trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát  
triển nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số  
162/TTr-SNN ngày 07/8/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách  
Nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ngoài phạm vi  
quy định tại Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính  
phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

*(Danh mục kèm theo)*

**Điều 2:** Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 của Quyết  
định này là căn cứ để cấp có thẩm quyền lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ sự  
nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy  
định. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện theo  
đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện từng giai đoạn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp để triển khai thực hiện.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3
- VPUB: LĐVP. NN (C);
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**

**DANH MỤC**

**Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ngoài phạm vi quy định tại Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

*(Kèm theo Quyết định số: 1526 /QĐ-LUBND ngày 27 tháng 8 năm 2018)*

| <b>TT</b>  | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước</b>                           |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi</b>                                                    |
| 1          | Điều tra Bộ chỉ số về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn                             |
| 2          | Hoạt động phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định về chất lượng nước sạch nông thôn   |
| 3          | Tuyên truyền, truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn                     |
| 4          | Đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng trong các lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai     |
| 5          | Cấm mốc giới hành lang bảo vệ công trình thủy lợi                                           |
| <b>II</b>  | <b>Hoạt động thuộc lĩnh vực thú y</b>                                                       |
| 1          | Hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật                                                   |
| 2          | Kiểm tra, đánh giá kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y, thuốc thủy sản thú y                 |
| <b>III</b> | <b>Hoạt động thuộc lĩnh vực chăn nuôi</b>                                                   |
| 1          | Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo)                                                     |
| 2          | Hoạt động nuôi giữ giống gốc                                                                |
| <b>IV</b>  | <b>Hoạt động lĩnh vực lâm nghiệp</b>                                                        |
| 1          | Phòng cháy chữa cháy rừng                                                                   |
| <b>V</b>   | <b>Hoạt động thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>                                             |
| 1          | Thu thập, bảo quản mẫu dịch hại trong công tác chuẩn đoán, xác định dịch hại trên cây trồng |